

TP. Cần Thơ, ngày tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2016

PHẦN I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2015

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2015 :

1. Nhận định chung :

a/ Khó khăn :

- Khó khăn hiện tại của Công ty vẫn là vấn đề môi trường. Ảnh hưởng đến thời gian bóc dỡ nguyên liệu và khâu xuất hàng.

- Cạnh tranh gay gắt về giá cả của các loại xi măng khác trên thị trường. Nguyên nhân do có nhiều thương hiệu xi măng mới và các xi măng Miền Bắc vào.

- Hiện nay ở các tỉnh thành điều có trạm chiết ôxy lỏng nên ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ ôxy cũng như lợi nhuận của Công ty.

b/ Thuận lợi :

- Sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng tín nhiệm thông qua sự phù hợp về giá cả, ổn định về chất lượng, chăm sóc khách hàng thường xuyên và chính sách khuyến mại hấp dẫn.

Khẳng định vị thế thương hiệu trong ngành xi măng bao gồm : **XI MĂNG CCM CẦN THƠ** và **XI MĂNG ÁNG SƠN**.

2. Một số chỉ tiêu đạt được trong năm 2015 của Công ty Mẹ và Công ty con :

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện	So sánh với năm 2014(%)
I	XI MĂNG + OXY (Cty Mẹ)			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	223.058.153.598	106,75
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	123.359.186.004	104,907
3	Sản lượng sản xuất:			
	- Xi măng:	Tấn	314.193,05	126,402
	- Hơi kỹ nghệ	Chai	74.151	91,17
4	Doanh thu thuần	Đồng	305.012.463.829	109,355
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	7.920.277.389	106,504
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	6.076.874.394	119,41

7	Nộp ngân sách	Đồng	6.520.639.398	277,77
II	Cty BẮT ĐỘNG SẢN (Cty con)			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	51.260.074.276	120,61
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	30.114.200.835	108,80
3	Doanh thu thuần	Đồng	8.241.843.636	209,94
4	Lợi nhuận trước thuế		3.116.777.906	212,82
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	2.436.153.361	213,82
III	Cty LỘC TÀI NGUYÊN (Cty con)			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	4.237.499.961	82,66
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	1.227.719.998	109,53
3	Doanh thu thuần	Đồng	4.624.610.000	63,80
4	Lợi nhuận trước thuế		117.652.457	
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	106.781.931	
IV	Cty XI MĂNG CT – HG (Cty con)			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	77.153.105.294	100,46
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	66.802.061.045	97,28
3	Doanh thu thuần	Đồng	4.330.137.545	167,81
4	Lợi nhuận trước thuế		(655.898.608)	
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	(1.896.091.157)	

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD :

1. Lĩnh vực sản xuất xi măng:

Năm 2015 sản xuất xi măng: 314.193,05 tấn. Đạt 112,17% so với kế hoạch 280.000 tấn

2. Lĩnh vực sản xuất Hơi kỹ nghệ:

Năm 2015 sản xuất được: 74.151 chai đạt 87,38% so với kế hoạch 85.000 chai.

Nguyên nhân chính là do các xưởng đóng tàu hoạt động còn chậm, và hiện nay các trạm chiết ôxy lỏng ngày càng nhiều. Tác động mạnh đến sản lượng của công ty.

3. Lĩnh vực kinh doanh Bất Động Sản:

- Năm 2015 bán được 30 nền. Với giá trị 8,24 tỷ. lợi nhuận 2,4 tỷ

4. Công ty cổ phần Khoáng Sản Lộc Tài Nguyên:

Hiện đang gia công cho Xi măng Cần Thơ và Xi Măng Áng Sơn.

Năm 2015 sản xuất: 23.478,85 tấn đạt 93,92% so với kế hoạch 25.000 tấn

Nguyên nhân do máy móc thường xuyên trục trặc và ảnh hưởng đến sản lượng của công ty.

5. Cty TNHH MTV Xi Măng Cần Thơ-Hậu Giang:

Đang khởi công xây dựng trạm nghiền xi măng công suất 500.000 tấn/h giai đoạn 1. Hoàn thành và ra sản phẩm dự kiến tháng 08/2016

6. Sản xuất gạch ống không nung:

- Năm 2015 công ty sản xuất cầm chừng do hiện tại thị trường tiêu thụ gạch chưa mạnh.

7. Các hoạt động khác :

7.1. Công tác đoàn thể đời sống :

- Năm 2014 đời sống vật chất và tinh thần của CB – CNV được nâng cao, thu nhập của CB – CNV tăng hơn so với năm trước. Do tạo được công ăn việc làm ổn định đời sống cho người lao động với mức thu nhập bình quân trên 4 – 4,5 triệu đồng/người

- Tổ chức cho toàn thể CB – CNV nghỉ mát, vui chơi giải trí sau thời gian dài làm việc để giúp cho người lao động có đời sống tinh thần tốt, lạc quan để chuẩn bị bước vào một năm hoạt động sản xuất tiếp theo phấn đấu hết năng lực góp phần hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động nhằm nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực công tác phục vụ cho công ty; tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp chuyên nghiệp hơn, vững chắc và năng động, phát động và xây dựng đời sống văn hoá, văn hóa công sở trong toàn Đơn vị gắn liền với công tác giữ gìn và bảo vệ môi trường.

7.2. Công tác đóng góp xây dựng và phúc lợi xã hội :

Trong năm 2015, Công ty tham gia góp phần xây dựng xã hội, quan tâm hỗ trợ người nghèo, khó khăn và các chương trình hành động phúc lợi xã hội như:

- Phụng dưỡng mẹ VNAH, Hỗ trợ khám chữa bệnh miễn phí BV ĐKTU, hỗ trợ mua bảo hiểm y tế dân cư bên song, hỗ trợ trường THCS Thới Thuận 1, Hỗ trợ bảo vệ dân phòng P.Thới Thuận, hỗ trợ phong trào TDTT đoàn thanh niên, Ủng hộ tập học sinh ở Vĩnh Long+ Thới thuận:

- Đóng góp thăm hỏi CB – CNV công ty, ủng hộ khác:

Tổng số tiền đóng góp phúc lợi xã hội : 169.510.000 đồng.

PHẦN II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

I. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2016	Ghi chú
1	Sản xuất Xi măng	Tấn	300.000	
2	Sản xuất Hơi kỹ nghệ	Chai	80.000	
3	Sản xuất gạch ống không nung	Viên	1.000.000	
5	Tổng doanh thu	Tr.đồng	350.000	
6	Lợi nhuận trước thuế: Bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Xi Măng- Ôxy- Bất động sản- Đóng tàu- Cty Lộc Tài Nguyên- Xi măng Cần Thơ – Hậu Giang	Tr.đồng	9.000	
		“	7.000	
		“	200	
		“	1000	
		“	500	
		“	150	
		“	150	
7	Nộp NSNN	Tr.đồng	6500	
8	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	5,5	
9	Chia cổ tức	%/năm	0	

II. Các giải pháp thực hiện kế hoạch :

1. Sản xuất kinh doanh xi măng :

Kế hoạch sản xuất năm 2016 của Công ty là: 300.000 tấn xi măng.

Để đạt được sản lượng 300.000 tấn/năm. Toàn thể CB-CNV Công ty nói chung và Bộ phận Phòng kinh doanh phải năng động, phát huy tối đa tiềm năng, tiềm lực và tích cực mở rộng thêm thị trường ở tất cả các Khu vực, đồng thời kết hợp với bộ phận Marketing phải thường xuyên quảng bá sản phẩm, thực hiện chăm sóc các khách hàng truyền thống để tăng sản lượng, [kết hợp gia công cho Tophome, Star Home, Xi măng Hà Tiên và Xi măng Lavica.](#)

2. Sản xuất kinh doanh hơi kỹ nghệ :

Năm 2015 dự kiến Nhà máy sẽ cung ứng cho thị trường khoảng 80.000 chai khí oxy, góp phần mang lại hiệu quả hoạt động kinh doanh chung của toàn công ty.

3. Công ty cổ phần Khoáng sản Lộc Tài Nguyên :

Tiếp tục duy trì gia công cho xi măng Cần Thơ và Áng Sơn. Với sản lượng 25.000 tấn/năm.

4. Cty TNHH MTV Xi Măng Cần Thơ-Hậu Giang :

- Tiến hành lắp đặt máy nghiền công suất 500.000 tấn/năm giai đoạn. Tháng 09/2016 sẽ ra sản phẩm xi măng thương hiệu “Xi măng Cần Thơ – Hậu Giang”.

5. Xí Nghiệp đầu tư xây dựng và đóng tàu :

- Kế hoạch năm 2016 sẽ đóng cho khách hàng 02 chiếc xà lan. Tải trọng tương đương 700 tấn. Và 04 chiếc trọng tải 180 tấn

6. Công ty cổ phần Bất động sản Cantcimex :

- Kế hoạch năm 2016 sẽ kinh doanh khoảng 70 nền, doanh thu đạt 15 tỷ đồng.

7. Thành lập Công ty cổ phần bê tông :

- Năm 2016 công ty Xi Măng Cần Thơ-Hậu Giang sẽ thành lập công ty cổ phần Bê tông. Vốn điều lệ 8 tỷ đồng trong đó Cty Xi Măng Cần Thơ-Hậu Giang góp 51%, phần còn lại các nhà đầu tư góp vốn.

IV. Kết luận :

Năm 2015, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB – CNV Công ty đã đoàn kết quyết tâm thực hiện hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong điều kiện bối cảnh kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo được việc làm ổn định cho người lao động trong toàn công ty với mức thu nhập tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2016 là sẽ là năm có nhiều cơ hội. Nhu cầu tiêu thụ xi măng có chiều hướng tăng lên, nguồn nguyên liệu tương đối ổn định. Các lĩnh vực kinh doanh khác của công ty như : sản xuất hơi kỹ nghệ, kinh doanh bất động sản, đóng tàu...đã ổn định và đi vào vĩ đạo, mang lại kết quả kinh doanh cao.

Cuối cùng, thay mặt HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CB-CNV Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn và chúc Quý đại biểu, Quý cổ đông nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt./.

Cần Thơ, ngày tháng 04 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN & XI MĂNG CẦN THƠ**

Trước tiên, tôi xin phép thay mặt Ban Kiểm soát gửi đến Quý Cổ đông, Quý Đại biểu có mặt tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2016 lời chúc sức khỏe và thành đạt.

Kính thưa Quý Đại biểu !

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Ban Kiểm Soát được quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản & Xi măng Cần Thơ, Ban kiểm soát xin báo cáo hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2015 tới Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính: kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Kiểm toán độc lập để xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.

2. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh : xem xét, đánh giá các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo.

3. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT: xem xét, đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của năm 2015 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

4. Một số kiến nghị.

Nội dung chính báo cáo :

1. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính :

Công tác kế toán Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Ban Kiểm soát đồng ý với các số liệu Báo cáo tài chính do Công ty lập.

2. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh :

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015 :

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiết	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		159.520.987.594	100.820.283.059
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17.970.585.418	4.781.663.640
1. Tiền	111	V.1	17.970.585.418	4.781.663.640

2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.650.000	1.650.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2a	1.650.000	1.650.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	2		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.561.333.026	74.473.254.833
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	75.678.381.956	69.039.985.146
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	2.200.595.745	1.862.482.934
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	9.353.097.940	10.365.549.515
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(12.954.135.912)	(7.078.156.059)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	283.393.297	283.393.297
IV. Hàng tồn kho	140		63.819.331.230	20.448.391.074
1. Hàng tồn kho	141	V.8	63.819.331.230	20.448.391.074
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.168.087.920	1.115.323.512
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.240.164.918	904.165.854
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		324.286.616	211.157.658
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	603.636.386	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.654.240.280	121.938.583.978
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn củ khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		61.906.913.545	58.518.481.262
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	26.312.804.106	22.036.219.399
- Nguyên giá	222		64.940.055.78	57.472.127.416
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.627.251.674)	(35.435.908.017)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	35.594.109.439	36.482.261.863
- Nguyên giá	228		38.293.730.405	38.293.730.405
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.699.620.966)	(1.811.468.542)
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.421.706.091	58.086.926.688
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.12	0	39.261.681.617
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	12.421.706.091	18.825.245.071
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	2.178.246.800
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	5.347.894.510	5.347.894.510
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2.178.246.800	2.178.246.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(7.526.141.310)	(5.347.894.510)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.325.620.644	3.154.929.229
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	7.577.076.477	2.235.414.731
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	1.748.544.167	919.514.498
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
5. Lợi thế thương mại	269		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		243.175.227.874	222.758.867.037
NGUỒN VỐN				

A. NỢ PHẢI TRẢ	300		119.663.165.725	102.674.350.362
I. Nợ ngắn hạn	310		119.663.165.725	102.674.350.362
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15a	16.142.516.947	17.392.289.900
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313	V.16	14.300.039.937	4.675.389.204
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.17	1.634.0 0.570	1.644.075.853
4. Phải trả người lao động	314	V.18	1.676.074.734	1.400.164.921
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	166.945.191	304.456.456
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	1.339.994.304	581.362.124
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	84.403.577.042	76.676.611.901
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 2	0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn	330		0	0
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334		0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1 3.512.062.149	120.084.516.675
I. Vốn chủ sở hữu	410		123.512.062.149	120.084.516.675
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23a	46.000.000.000	46.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		46.000.000.000	46.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23a	33.450.000.000	33.450.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.23a	571.183.239	571.183.239
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.23a	(40.000)	(40.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.011.551.220	20.011.551.219
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	429		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
22. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23a	20.711.884.830	17.512.155.254
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước.	421a		17.204.938.792	17.512.155.254
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.506.946.039	0
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.24	2.767.482.860	2.539.666.963
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		243.175.227.874	222.758.867.037

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2015 :

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1a	309.013.847.765	281.141.983.577
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	0	79.527.486
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		309.013.847.765	281.062.456.091
4. Giá vốn hàng bán	11	V .3	275.980.985. 83	252.849.474.434
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		33.032.861.882	28.212.981.657
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	118.658.561	194.156.842
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	7.518.818.225	8.882.994.358
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.339.665.967	6.207.326.789
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24			0
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	4.198.001.684	4.905.026.683
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	11.936.401.240	8.135.259.891
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		9.498.299.294	6.483.857.567
12. Thu nhập khác	3	VI.8	623.395.688	204.398.982
13. Chi phí khác	32	VI.9	3.458.927.550	1.257.582.043
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		(2.835.531.862)	(1.053.183.061)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		6.662.767.432	5.430.674.506
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.17	3.757.035.165	2.693.008.261
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(829.029.669)	(185.821.425)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		3.734.761.936	2.923.487.670
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		3.506.946.039	3.072.164.632
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		227.815.897	(148.676.962)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	0	VI.11a	76	601
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11b	762	601

Phần lớn lợi nhuận được thực hiện từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh xi măng.

3. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và Ban kiểm soát :

Hội đồng Quản trị gồm 05 thành viên và Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

Trong năm 2015, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho Công ty trong hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

Ban kiểm soát đánh giá cao tính năng động, kịp thời trong các hoạt động điều hành quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Về cơ bản năm 2015 HĐQT Công ty và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của mình và các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ năm 2015 thông qua.

4. Một số kiến nghị :

Ban kiểm soát Công ty có một số đề xuất với HĐQT & Ban Tổng giám đốc công ty như sau:

- Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương, hình thức tuyển dụng nhằm thu hút lao động có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm.

Chúng tôi chân thành cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban trực thuộc Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Trên đây là một số nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm soát về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty. Rất mong được quý cổ đông đóng góp ý kiến để Ban kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong thời gian tới.

Cần Thơ, ngày tháng 04 năm 2016

TM. Ban kiểm soát

Cần Thơ, ngày tháng 04 năm 2016

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2015**

1. Tổ chức Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ gồm 05 thành viên như sau :

- | | |
|------------------------|---------------------------|
| - Ông Thái Minh Thuyết | Chức vụ : Chủ tịch HĐQT |
| - Bà Nguyễn Thị Út Em | Chức vụ : Thành viên HĐQT |
| - Ông Trần Minh Quang | Chức vụ : Thành viên HĐQT |
| - Ông Thái Châu | Chức vụ : Thành viên HĐQT |
| - Ông Phan Hoàng Tuấn | Chức vụ : Thành viên HĐQT |

2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015.

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo đến toàn thể Quý cổ đông về kết quả thực hiện năm 2015 như sau:

Thực hiện các chỉ tiêu năm 2015

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Tỷ lệ (%)
01	Tổng doanh thu	Triệu đồng	300.000	309.000	103
02	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.800	6.662	75,7
03	Mức cổ tức dự kiến	%	0		
04	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	4,5	5,4	111

3. Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2015

Thông qua các kỳ họp, HĐQT đã thực hiện quyền quản lý điều hành của mình trên cơ sở xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua các kế hoạch, tờ trình liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty.

Bên cạnh đó, giữa các kỳ họp định kỳ của HĐQT, để giải quyết các vấn đề cấp bách liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị Công ty, HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, bảo đảm tuân thủ đúng quy định.

4. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2016.

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2016
01	Tổng doanh thu	Triệu đồng	300.000
02	Tổng lợi nhuận	Triệu đồng	9.000
03	Mức cổ tức dự kiến	%	0%
04	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	5,5

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị năm 2015 và kế hoạch năm 2016.
Kính đề nghị Đại hội xem xét, thảo luận, thông qua.

Chân thành cảm ơn Quý cổ đông !

Cần Thơ, ngày tháng 04 năm 2016

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2015 CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 60/2005/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số: 70/2006/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2016 thông qua một số nội dung như sau :

I. THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A & C.

Báo cáo tài chính năm 2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C, tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định và đã được HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ công bố theo quy định, bao gồm :

- (1) Báo cáo của Kiểm toán viên;
- (2) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015;
- (3) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015;
- (4) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
- (5) Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015 :

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiết	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		159.520.987.594	100.820.283.059
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17.970.585.418	4.781.663.640
1. Tiền	111	V.1	17.970.585.418	4.781.663.640
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.650.000	1.650.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2a	1.650.000	1.650.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	29		0	0

III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.561.333.026	74.473.254.833
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	75.678.381.956	69.039.985.146
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	2.200.595.745	1.862.482.934
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	9.353.097.940	10.365.549.515
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(12.954.135.912)	(7.078.156.059)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	283.393.297	283.393.297
IV. Hàng tồn kho	140		63.819.331.230	20.448.391.074
1. Hàng tồn kho	141	V.8	63.819.331.230	20.448.391.074
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.168.087.920	1.115.323.512
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.240.164.918	904.165.854
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		324.286.616	211.157.658
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	603.636.386	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.654.240.280	121.938.583.978
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn cũ khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		61.906.913.545	58.518.481.262
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	26.312.804.106	22.036.219.399
- Nguyên giá	222		64.940.055.780	57.472.127.416
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.627.251.674)	(35.435.908.017)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	35.594.109.439	36.482.261.863
- Nguyên giá	228		38.293.730.405	38.293.730.405
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.699.620.966)	(1.811.468.542)
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.421.706.091	58.086.926.688
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.12	0	39.261.681.617
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	12.421.706.091	18.825.245.071
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	2.178.246.800
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	5.347.894.510	5.347.894.510
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2.178.246.800	2.178.246.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(7.526.141.310)	(5.347.894.510)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.325.620.644	3.154.929.229
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	7.577.076.477	2.235.414.731
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	1.748.544.167	919.514.498
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
5. Lợi thế thương mại	269		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		243.175.227.874	222.758.867.037
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		119.663.165.725	102.674.350.362
I. Nợ ngắn hạn	310		119.663.165.725	102.674.350.362
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15a	16.142.516.947	17.392.289.900
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313	V.16	14.300.039.937	4.675.389.204

3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.17	1.634.020.570	1.644.075.853
4. Phải trả người lao động	314	V.18	1.676.074.734	1.400.164.921
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	166.945.191	304.456.456
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	1.339.994.304	581.362.124
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	84.403.577.042	76.676.611.901
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn	330		0	0
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334		0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		123.512.062.149	120.084.516.675
I. Vốn chủ sở hữu	410		123.512.062.149	120.084.516.675
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23a	46.000.000.000	46.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		46.000.000.000	46.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23a	33.450.000.000	33.450.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.23a	571.183.239	571.183.239
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.23a	(40.000)	(40.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.011.551.220	20.011.551.219
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	429		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
22. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23a	20.711.884.830	17.512.155.254
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước.	421a		17.204.938.792	17.512.155.254
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.506.946.039	0
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.24	2.767.482.860	2.539.666.963
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		243.175.227.874	222.758.867.037

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2015 :

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1a	309.013.847.765	281.141.983.577
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	0	79.527.486
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		309.013.847.765	281.062.456.091
4. Giá vốn hàng bán	11	V .3	275.980.985.883	252.849.474.434
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		33.032.861.882	28.212.981.657
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	118.658.561	194.156.842
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	7.518.818.225	8.882.994.358
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.339.665.967	6.207.326.789
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24			0
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	4.198.001.684	4.905.026.683
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	11.936.401.240	8.135.259.891
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		9.498.299.294	6.483.857.567
12. Thu nhập khác	3	VI.8	623.395.688	204.398.982
13. Chi phí khác	32	VI.9	3.458.927.550	1.257.582.043
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		(2.835.531.862)	(1.053.183.061)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		6.662.767.432	5.430.674.506
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.17	3.757.035.165	2.693.008.261
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(829.029.669)	(185.821.425)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		3.734.761.936	2.923.487.670
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		3.506.946.039	3.072.164.632
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		227.815.897	(148.676.962)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	0	VI.11a	762	601
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11b	762	601

II. THÔNG QUA VIỆC LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN NĂM 2016

Để đảm bảo thuận lợi cho công tác điều hành, HĐQT kính đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số các công ty kiểm toán sau đây thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 và soát xét các báo cáo tài chính quý (*nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước*):

- (1) Công ty Kiểm toán Mỹ (AA)
- (2) Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học - AISC
- (3) Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính & Kiểm toán Việt Nam
- (4) Công ty Kiểm toán và Tư vấn (A&C)
- (5) Công ty TNHH kiểm toán Sao Việt.

Trong trường hợp không thống nhất được với những công ty kiểm toán nêu trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số công ty kiểm toán còn lại trong Danh sách Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của UBCKNN để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 và soát xét các báo cáo tài chính quý (*nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước*).

III. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2015

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 :

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 và quy định về tỷ lệ trích lập các quỹ trong Điều lệ Công ty, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau :

Phân phối lợi nhuận năm 2015

❖ Trích lập các Quỹ :

- Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi : 24,12%/Lợi nhuận sau thuế, tương đương:1.465.689.123 đồng

*** Thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2015 và đề xuất thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2016 :**

- Mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2015 : 0,5%/LNST

- Mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2016 dự kiến: 0,5%/LNST.

❖ Toàn bộ phần lợi nhuận còn lại (sau khi đã trích lập các Quỹ, mức thù lao theo qui định)

: Kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án dùng toàn bộ phần lợi nhuận này đầu tư cho Dự án Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang.

IV. THÔNG QUA VIỆC CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM NHIỆM CHỨC VỤ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY.

Để thuận lợi và đạt hiệu quả cao trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc Chủ tịch HĐQT đồng thời nắm giữ chức vụ Tổng giám đốc của Công ty.

V. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG

Để mở rộng ngành nghề kinh doanh. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án thành lập Công Ty Cổ Phần Bê tông. Vốn điều lệ 8 tỷ đồng trong đó Cty Xi Măng Cần Thơ-Hậu Giang góp 51%, phần còn lại các nhà đầu tư góp vốn.

Trên đây là tờ trình của HĐQT về một số vấn đề xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 xem xét thông qua.

VI. THÔNG QUA VIỆC XỬ LÝ ĐỐI VỚI CÔNG NỢ KHÓ ĐÒI

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 và quy định đối với các khoản nợ khó đòi khi xác định không thể thu hồi được, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc thực hiện xóa nợ theo quy định của pháp luật hiện hành đối với công nợ khó đòi quá hạn trên 03 năm (danh sách kèm theo).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2015;
- Các thành viên HĐQT, Ban TGD;
- Các thành viên Ban KS (*để biết*);
- Lưu: VT.

**T.M/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

THÁI MINH THUYẾT

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ;
- Căn cứ các Báo cáo, tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày .../05/2015;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày/04/2016.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo Tổng kết kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 và kế hoạch SXKD năm 2016 của Ban điều hành

a. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

Thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015 với những chỉ tiêu chủ yếu như sau :

CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN :

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện	So sánh với năm 2014(%)
I	XI MĂNG + OXY (Cty Mẹ)			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	223.058.153.598	106,75
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	123.359.186.004	104,907
3	Sản lượng sản xuất:			
	- Xi măng:	Tấn	314.193,05	126,402
	- Hoi kỹ nghệ	Chai	74.151	91,17
4	Doanh thu thuần	Đồng	305.012.463.829	109,355
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	7.920.277.389	106,504
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	6.076.874.394	119,41
7	Nộp ngân sách	Đồng	6.520.639.398	277,77
II	Cty BẮT ĐỘNG SẢN (Cty con)			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	51.260.074.276	120,61

2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	30.114.200.835	108,80
3	Doanh thu thuần	Đồng	8.241.843.636	209,94
4	Lợi nhuận trước thuế		3.116.777.906	212,82
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	2.436.153.361	213,82
III	Cty LỘC TÀI NGUYÊN (Cty con)			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	4.237.499.961	82,66
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	1.227.719.998	109,53
3	Doanh thu thuần	Đồng	4.624.610.000	63,80
4	Lợi nhuận trước thuế		117.652.457	
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	106.781.931	
IV	Cty XI MĂNG CT – HG (Cty con)			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	77.153.105.294	100,46
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	66.802.061.045	97,28
3	Doanh thu thuần	Đồng	4.330.137.545	167,81
4	Lợi nhuận trước thuế		(655.898.608)	
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	(1.896.091.157)	

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2016	Ghi chú
1	Sản xuất Xi măng	Tấn	300.000	
2	Sản xuất Hoi kỹ nghệ	Chai	80.000	
3	Sản xuất gạch ống không nung	Viên	1.000.000	
5	Tổng doanh thu	Tr.đồng	350.000	
6	Lợi nhuận trước thuế: Bao gồm:	Tr.đồng	9.000	
	- Xi Măng	“	7.000	
	- Ôxy	“	200	
	- Bất động sản	“	1000	
	- Đóng tàu	“	500	
	- Cty Lộc Tài Nguyên	“	150	
	- Xi măng Cần Thơ – Hậu Giang	“	150	
7	Nộp NSNN	Tr.đồng	6500	
8	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	5,5	
9	Chia cổ tức	%/năm	0	

Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2015

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A & C)

Điều 4: Thông qua việc ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2016

Đại hội đã thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 và soát xét các báo cáo tài chính quý (*nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước.*)

(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2016/TTr-ĐHĐCĐ ngày tháng 04 năm 2016)

Điều 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015

Đại hội đã thống nhất thông qua.

(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2016/TTr-ĐHĐCĐ ngày tháng 04 năm 2016)

Điều 6: Thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2015 và dự toán thù lao HĐQT, BKS năm 2016

Đại hội thông qua mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2015: 0,5%/LNST

Đại hội thông qua dự toán mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2016 là: 0,5%/LNST.

Điều 7: Thông qua việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty

Điều 8: Thông qua phương án thành lập Công Ty Cổ Phần Bê Tông

Đại hội đã thống nhất thông qua.

(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2016/TTr-ĐHĐCĐ ngày tháng 04 năm 2016)

Điều 9: Thông qua việc xử lý nợ khó đòi quá hạn trên 03 năm

Đại hội đã thống nhất thông qua.

(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2016/TTr-ĐHĐCĐ ngày tháng 04 năm 2016)

Điều 10: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ nhất trí thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Tất cả cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị trực thuộc, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ.

Nơi nhân:

- Cổ đông Công ty;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: Thư ký HĐQT, VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tọa đoàn

